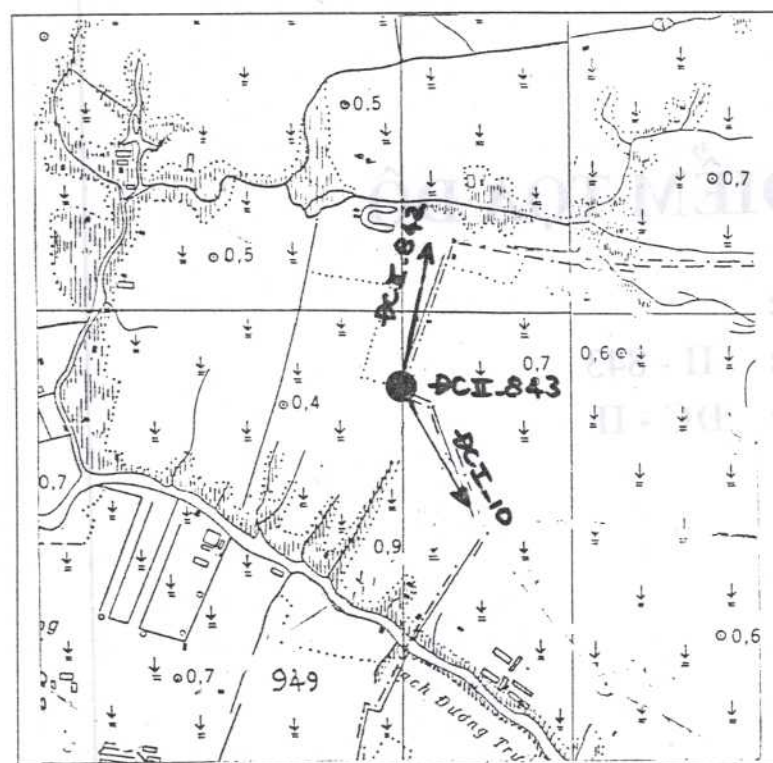


GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm : Số hiệu : II - 843 Mảnh bản đồ : C - 48 - 81 - B
 Phương pháp đo : Đường chuyển Cấp, hạng : DC - II
 Trị giá khái lược : Độ cao : 1 m Kinh độ : $106^{\circ}19'9''$
 Loại đất : Đất tư Chất đất : Thệt Vĩ độ : $9^{\circ}52'1''$
 Nơi đặt mốc : Ấp Phú Hòa Xã : Long Đức
 Thị xã : Trà Vinh Tỉnh : Trà Vinh
 Nơi ở gần nhất : Khóm 4, phường 1 Khoảng cách tới điểm : 0.8 km
 Người chọn : Dương Văn Thịnh Đơn vị chọn : XN Trắc địa 301-XNLH Trắc địa Bản đồ số 3
 Ngày 22 tháng 10 năm 1995

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ : 1/10.000

Số liệu đo mốc (mm)

Từ ván dọi điểm đến :	Lần 1	Lần 2	TB	Chiều cao các tầng mốc
Đáy hố				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp				

Điểm thông hướng
 (Tên, số hiệu, cấp hạng
 điểm liên quan mà từ mặt
 đất điểm trạm đo thông suốt
 tới điểm liên quan)

Điểm :

DCII - 842

DCI - 10

Họ, tên, địa chỉ người
 dẫn đường :

Ông Hai Sự

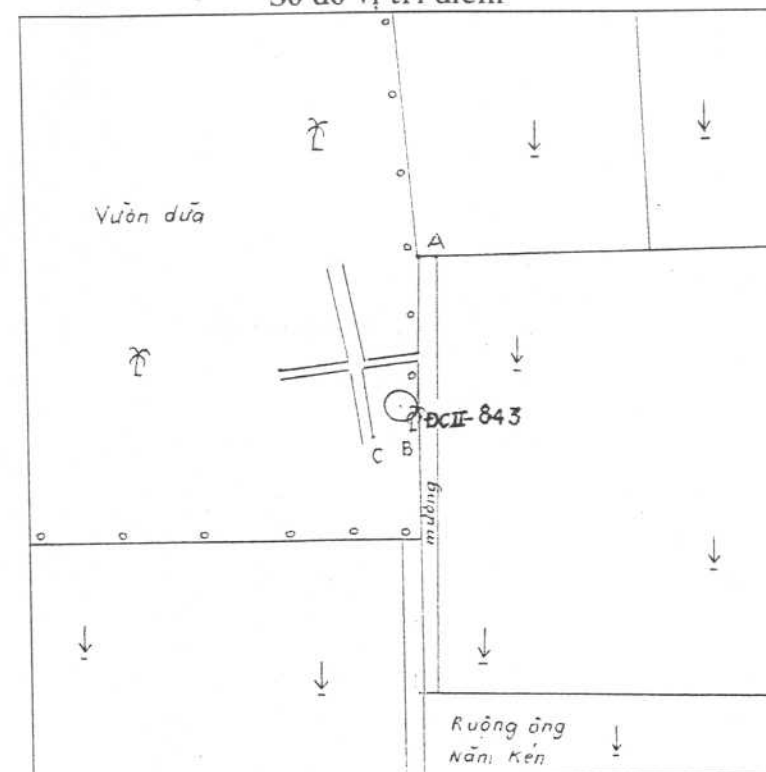
Khóm : 4

Phường : 1

Thị Xã : Trà Vinh

Tỉnh : Trà Vinh

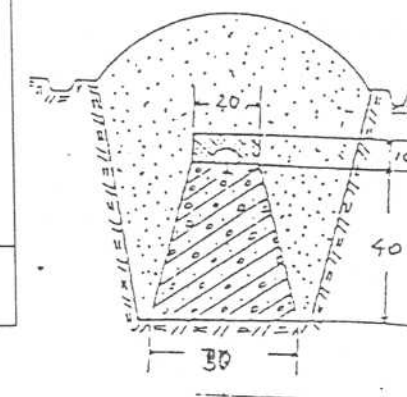
Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ : 1/500

Đơn vị chôn mốc :
 XN Trắc địa 301

Người chôn mốc :
 Dương Văn Thịnh
 Loại mốc : Mốc chôn một tầng
 Ngày 24 tháng 10 năm 1995
 Hình vẽ mặt cắt mốc
 (Đơn vị cm)



V/v	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Góc ruộng	Hướng Đông Bắc 19.7m
B	Gốc cây dừa	Hướng Đông Nam 3.0m
C	Góc ruộng đầu mương	Hướng Tây Nam 5.3m

Điểm này : Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc

Tên điểm :

Số hiệu :

Cấp, hạng :

Điểm này đo nổi độ cao bằng : Đo cao lượng giác

Cấp, hạng : Kỹ thuật

Đường đi đến điểm : (Đường ô tô, sắt, thủy, số Km) :

Từ Thị xã Trà Vinh đi xe theo đường Phạm Ngũ Lão đến bờ kinh ra cầu gỗ đi ra cánh đồng khoảng 3 km là tới điểm

Cơ quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm :

Ngày 25 tháng 12 năm 1995

Ngày 05 tháng 1 năm 1996

Người làm ghi chú điểm

Người kiểm tra

Nguyễn Viết Trục

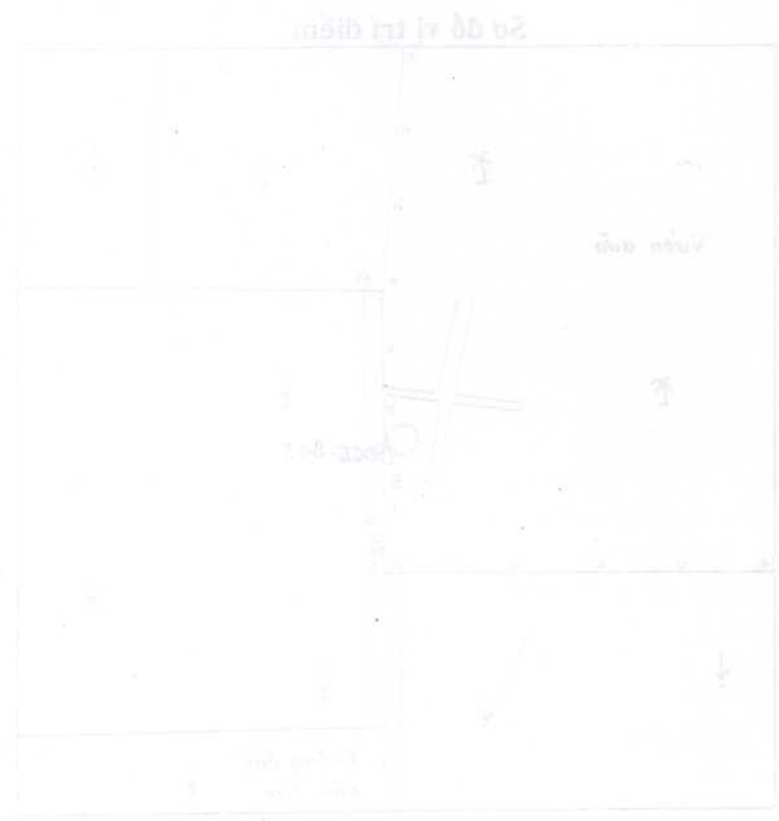
Đỗ Phi Hạnh

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM :
SỐ HIỆU : II - 843
CẤP, HẠNG : ĐC - II

NĂM 1995



IV	Tên vị trí điểm	Không có
A	Góc tương	Không có
B	Góc cơ sở	Không có
C	Góc tương	Không có